

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ - PT

Ngày: 22 – 3 – 2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán:

Bà Sơn Nữ Phà Ca

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLPT- HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2018, về việc: Tranh chấp ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 113/2017/HNGĐ-ST, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐ-PT, ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hiền H1, sinh năm 1987; cư trú tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Quốc H2 – Hội viên Hội luật gia tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1979; cư trú tại ấp X, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1962; cư trú tại ấp V, xã M, huyện N, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Do có kháng cáo của:* Anh Đoàn Văn S, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Hiền H1 trình bày:*

Giữa chị H1 và anh S có quan hệ vợ chồng thành hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N vào ngày 21/7/2016. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cha mẹ chồng chị luôn so sánh chị với vợ trước của anh S và vợ chồng đã ly thân từ ngày 03/4/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng và hai bên gia đình có tạo điều kiện giúp đỡ anh chị đoàn tụ nhưng không được. Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Nay xác định tình cảm không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S. Về tài sản chung: Có 11 chỉ vàng 24K (trong đó 01 đôi bông tay trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây chuyền bao gồm cả mặt trọng lượng 05 chỉ vàng 24K; một chiếc lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K), hiện tại số tài sản trên anh S đang quản lý. Nay chị yêu cầu được chia 06 chỉ vàng 24K (trong đó có đôi bông tay 01 chỉ vàng 24K), phần còn lại 05 chỉ vàng 24K chia cho anh S.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai 14/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đoàn Văn S trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của chị H1 về thời điểm thành hôn và đăng ký kết hôn, về con chung và về tài sản chung là nữ trang ngày cưới có tổng cộng 11 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh có nuôi heo 02 đợt, đợt 01 đến tháng 10/2016 âm lịch bán 20 con heo bị lở nên bán 10 chỉ vàng 24K để trả tiền thức ăn; đợt 02 khoảng tháng 03/2017 âm lịch tiếp tục bán 50 con heo với số tiền 99.000.000đ thời điểm này cũng đang thiếu tiền thức ăn của ông Phạm Văn Đ 99.000.000đ nhưng anh chỉ trả tiền thức ăn cho ông Đ 59.000.000đ còn lại 40.000.000đ anh mua lại 10 chỉ vàng 24K cho chị H1 đeo, khi chị H1 bỏ đi tháng 4/2017 thì anh giữ 11 chỉ vàng 24K do chị H1 giao lại, sau đó anh đã bán 10 chỉ vàng 24K với số tiền 33.000.000đ cộng với tiền nhà 4.000.000đ để trả nợ tiền thức ăn cho ông Đ, tiền thức ăn còn thiếu là 40.000.000đ trả 37.000.000đ nên hiện còn nợ ông Đ 3.000.000đ. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị H1, anh S đồng ý ly hôn cùng chị H1. Về tài sản chung: Anh S chỉ đồng ý giao lại cho chị H1 01 chỉ vàng 24K là đôi bông. Về nợ chung: Hiện tại còn nợ tiền thức ăn của ông Đ với số tiền 3.000.000đ nhưng để anh tự trả số tiền này cho ông Đ không yêu cầu chị H1 cùng trả.

** Tại bản tự khai ngày 14/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Ông là chủ cửa hàng bán thức ăn và trước đây ông có giao dịch mua bán thức ăn với anh S, không có lần nào giao dịch với chị H1, sự việc anh S mua thức ăn cho anh S hay cho ai thì không rõ, tính đến ngày 12/3/2017 thì anh S còn nợ tiền thức ăn mua của ông là 99.450.000đ, sau đó ngày 28/3/2017 anh S trả 59.450.000đ, ngày 17/5/2017 trả tiếp 37.000.000đ hiện anh S còn thiếu ông số tiền 3.000.000đ, số tiền này ông Đ và anh S tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết cùng vụ án này.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 113/2017/HNGĐ-ST, ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn đã quyết định:

Căn cứ các Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận cho nguyên đơn chị Trần Thị Hiền H1 và bị đơn anh Đoàn Văn S được ly hôn.

2. Về tài sản chung: Buộc anh Đoàn Văn S có nghĩa vụ giao lại cho chị Trần Thị Hiền H1 06 (sáu) chỉ vàng 24K.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm; về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/12/2017, anh S có đơn kháng cáo đối bản án sơ thẩm số: 113/2017/HNGĐ-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần tài sản chung, anh S chỉ đồng ý giao lại cho chị H1 01 chỉ vàng 24K (đôi bông tai).

Căn cứ kháng cáo: Anh S thống nhất với chị H1 về tài sản chung. Tuy nhiên vào tháng 10/2016 (âm lịch), anh S bán 50 con heo với số tiền là 99.000.000đ, trả tiền thức ăn 50.000.000đ, còn lại 40.000.000đ anh S mua 10 chỉ vàng 24K giao cho chị H1. Khi chị H1 đi thì anh S đã bán 10 chỉ vàng 24K được 33.000.000đ + 4.000.000đ tiền nhà, tổng cộng là 37.000.000đ để trả nợ tiền mua thức ăn cho ông Đ. Hiện nay còn nợ ông Đ 3.000.000đ, anh S tự nguyện trả cho ông Đ, không yêu cầu chị H1 cùng trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng cáo là bị đơn anh S trình bày:* Anh S thay đổi yêu cầu kháng cáo, anh S đồng ý chia và giao cho chị H1 03 chỉ vàng 24K (trong đó có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K).

- *Nguyên đơn chị H1 trình bày:* Chị H1 thừa nhận quá trình chung sống anh S có nuôi heo bị lỗ nên nay chị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị H1 chỉ yêu cầu anh S chia và giao lại cho chị 04 (bốn) chỉ vàng 24K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H1 trình bày: Đồng ý với trình bày và yêu cầu của chị H1 tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, việc anh S trình bày bán 10 chỉ vàng 24K vào tháng 3/2017 là không đúng, vì việc chị H1 giao vàng lại cho anh S là tháng 5/2017 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, không có vi phạm.

- Đối với kháng cáo của anh S là có căn cứ để chấp nhận một phần, bởi: Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay chị H1 thừa nhận việc chăn nuôi heo trong quá trình hôn nhân có bị lỗ, nên chị H1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị H1 chỉ yêu cầu anh S chia và giao lại cho chị H1 04 (bốn) chỉ vàng 24K (trong đó có đôi bông 01 chỉ vàng 24K), lời trình bày của chị H1 phù hợp với biên hoà giải ngày 14/6/2017 tại cấp sơ thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng xác định tài sản chung là nữ trang ngày cưới của anh S và chị H1 còn lại là 08 (tám) chỉ vàng 24K và chia cho anh S 04 chỉ vàng 24K, chị H1 04 chỉ vàng 24K (phần chị H1 được chia có 01 đôi bông tại 01 chỉ vàng 24K).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục:** Ông Đ có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm (BL 34) nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

- **Về nội dung:**

[1] Đối với kháng cáo của anh S chỉ đồng ý chia và giao lại cho chị H1 01 chỉ vàng 24K (đôi bông tai) trong số nữ trang ngày cưới 11 chỉ vàng 24K. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay anh S có thay đổi một phần kháng cáo, anh S đồng ý chia cho chị H1 03 (ba) chỉ vàng 24K; chị H1 cũng có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị H1 chỉ yêu cầu anh S chia cho chị 04 (bốn) chỉ vàng 24K (trong đó có 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K).

Xét, việc nuôi heo trong quá trình chung sống của anh S và chị H1 thì anh S, chị H1 đều thừa nhận nuôi heo có bị thua lỗ nhưng số tiền cụ thể và chứng cứ cụ thể thì 02 bên anh S, chị H1 đều không cung cấp được. Vì thế, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của chị H1 tại biên bản hoà giải ngày 14/6/2017 ở cấp sơ thẩm là: Nuôi heo bị lỗ 10.000.000đ, số tiền này nếu quy đổi thành vàng 24K tại thời điểm chị H1 mua lại 10 chỉ vàng 24K vào ngày 14/02/2017 ở tiệm vàng Đức Huy, giá vàng 24K là 3.300.000đ/chỉ, số tiền 10.000.000đ tương đương 03 (ba) chỉ vàng 24K, coi như anh S chị H1 nuôi heo bị thua lỗ hết 03 chỉ vàng 24K nên chị H1 yêu cầu chia cho chị 04 chỉ vàng 24K. Lời trình bày và yêu cầu này của chị H1 tại cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu của chị H1 tại cấp phúc thẩm và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương từ năm 2016 đến nay là việc nuôi heo của cá nhân, hộ gia đình hầu hết đều bị thua lỗ là có thật. Nên xác định tài sản chung ngày cưới của anh S chị H1 còn lại là 08 (tám) chỉ vàng 24K. Xét quá trình chung sống của anh S chị H1 là 10 tháng công sức đóng góp của mỗi bên là như nhau, nên chia anh S 04 (bốn) chỉ vàng 24K và chia chị H1 04 (bốn) chỉ vàng 24K (có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K). Vì thế, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của anh S, sửa án sơ thẩm như nhận định trên.

[2] Do sửa án sơ thẩm nên tính tại án phí dân sự sơ thẩm: Cụ thể anh S và chị H1 mỗi người phải nộp 5% án phí giá ngạch của số vàng được chia, cụ thể: Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.400.000đ/chỉ x 4 chỉ = 13.600.000đ x 5% = 680.000đ đây là tiền án phí anh S và chị H1 mỗi người phải nộp. Ngoài ra chị H1 còn phải nộp 300.000đ án phí ly hôn. Phần án phí của chị H1 được khấu trừ 750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0013847 ngày 24/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị H1 còn phải nộp thêm là 230.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Do sửa án sơ thẩm nên anh S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh S 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0014338 ngày 25/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

[4] Quyết định khác của án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 27, 37, 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Đoàn Văn S, sửa án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn chị Trần Thị Hiền H1, xác định tổng tài sản chung là nữ trang ngày cưới của anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị Hiền H1 còn lại là 08 (tám) chỉ vàng 24K hiện do anh Đoàn Văn S đang quản lý.

2.1. Anh Đoàn Văn S được chia 04 (bốn) chỉ vàng 24K hiện anh đang quản lý.

2.2. Chị Trần Thị Hiền H1 được chia 04 (bốn) chỉ vàng 24K (trong đó có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K).

2.3. Anh Đoàn Văn S có nghĩa vụ giao trả chị Trần Thị Hiền H1 04 (bốn) chỉ vàng 24K mà chị H1 được chia.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh S và chị H1 mỗi người phải nộp 680.000đ (sáu trăm tám chục ngàn đồng) tiền án phí giá ngạch đối với phần tài sản được chia. Ngoài ra chị H1 còn phải nộp 300.000đ án phí ly hôn. Phần án phí của chị H1 được khấu trừ 750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0013847 ngày 24/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị H1

còn phải nộp thêm là: 230.000đ (hai trăm ba chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh S 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0014338 ngày 25/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

5. Quyết định khác của án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND T.VL;
- TAND H.Trà Ôn;
- Chi cục THADS H.Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu